

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị cấp Giấy phép môi trường tại Văn bản số 1641/BQLDA-ĐH ngày 23 tháng 10 năm 2023 và Văn bản số 1212/CV-BQLDA ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Ban quản lý dự án Biên Hòa về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư "Xây dựng, cải tạo Trường tiểu học Nguyễn Chí Thanh" tại phường Long Bình, thành phố Biên Hòa và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trường Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Biên Hòa tại Tờ trình số 3215/TTr-PTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho Ban quản lý dự án Biên Hòa, địa chỉ tại tầng 9, số 225, đường Võ Thị Sáu, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư "Xây dựng, cải tạo Trường tiểu học Nguyễn Chí Thanh" tại phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của cơ sở:

- Tên dự án đầu tư: Xây dựng, cải tạo Trường tiểu học Nguyễn Chí Thanh.
- Địa điểm hoạt động: Tại phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Quyết định thành lập: Quyết định số 2441/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2008 của UBND thành phố Biên Hòa về việc thành lập Ban quản lý dự án Biên Hòa.



1.4. Mã số thuế: 3600503191.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Xây dựng và cải tạo trường tiểu học.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Diện tích khu đất thực hiện dự án 9.326 m<sup>2</sup> (thuộc thửa đất số 57, tờ bản đồ số 147, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

- Quy mô:

+ Tổng mức đầu tư: 24.382.783.546 đồng.

+ Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

+ Dự án đầu tư thuộc nhóm III theo quy định Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

- Công suất: Khối 12 phòng học bộ môn, các phòng hiệu bộ, cầu nối (3 tầng), diện tích xây dựng 626,6 m<sup>2</sup>, diện tích sàn xây dựng 1.879,8 m<sup>2</sup> và các hạng mục công trình phụ trợ khác (bể nước ngầm, tường rào, sân chơi, đường, bãi đỗ xe...).

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban quản lý dự án Biên Hòa – đơn vị được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban quản lý dự án Biên Hòa có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng

ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 27 tháng 8 năm 2024 đến ngày 27 tháng 8 năm 2034).

**Điều 4.** Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch, các PCT/ UBND TP;
- Chánh, các PCVP/HĐND-UBND TP;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Ban quản lý dự án Biên Hòa;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- UBND phường Long Bình;
- Lưu: VT, KTNS (Hồng).



**Vũ Quốc Thái**



## Phụ lục 1

### NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 14543 /GPMT-UBND ngày 27/8/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa)



#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

##### 1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ đội nhà vệ sinh của cán bộ, giáo viên và học sinh tại Khối 12 phòng học bộ môn, hiệu bộ xây mới.
- Nguồn số 02: Nước thải từ các lavabo, vệ sinh phòng học, vệ sinh nhà vệ sinh tại Khối 12 phòng học bộ môn, hiệu bộ xây mới.

##### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Thoát ra cống thoát nước chảy ra suối Chùa ra suối Bà Lúa và chảy vào nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Đồng Nai.

##### 2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tại cống thoát nước thải chảy ra suối Chùa.
- Tọa độ vị trí xả nước thải sau xử lý: X(m) = 1207865, Y(m) = 405104 theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107<sup>0</sup>45, múi chiều 3<sup>0</sup>.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 10,1 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả thải vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K=1,2, cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/ BTNMT Cột A, K=1,2	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc định kỳ
2	BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C)	mg/l	36	
3	TSS	mg/l	60	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	600	
5	Sunfua	mg/l	1,2	
6	Amoni	mg/l	6	

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/ BTNMT Cột A, K=1,2	Tần suất quan trắc định kỳ
7	Nitrat	mg/l	36	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	12	
9	Tổng các chất hoạt đồng bề mặt	mg/l	6	
10	Phosphat	mg/l	7,2	
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3000	

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:**

#### **1.1. Mạng lưới thu gom nước mưa, nước thải:**

- Nước mưa từ mái nhà tại khối 12 phòng học bộ môn, hiệu bộ xây mới chảy vào senô rồi vào ống thu nước thẳng đứng PVC Ø90, chảy vào mương thoát nước mưa B300, cống BTCT bọc xung quanh công trình; Nước mưa từ sân nền thoát vào mương thoát nước mưa B300, cống BTCT bọc xung quanh công trình xây mới rồi thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực. Toàn bộ lượng nước mưa được thu gom và đấu nối vào 01 điểm thoát nước mưa tại vị trí cống thoát nước mưa có tọa độ (Hệ VN2000, kinh tuyến trục 107045', múi chiếu 30): X(m) = 1207859, Y(m) = 405104).

- Hệ thống thu gom và thoát nước thải được tách riêng với hệ thống thu gom và thoát nước mưa.

- Nước thải phát sinh từ sinh hoạt (từ các thiết bị bồn cầu, bồn tiểu) sẽ được xử lý sơ bộ qua 01 bể tự hoại thể tích 12,16 m<sup>3</sup> cùng với nước thải phát sinh vệ sinh chân tay từ lavabo, nước thải từ việc vệ sinh lớp học, vệ sinh sàn nhà vệ sinh sẽ được dẫn ngầm bằng hệ thống ống nhựa về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 65 m<sup>3</sup>/ngày để xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột A, K=1,2. Nước thải sau xử lý sẽ thoát cống thoát nước chảy ra suối Chùa rồi ra suối Bà Lúa và chảy vào nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Đồng Nai.

#### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:**

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt (bồn cầu, bồn tiểu) → Bể tự hoại 3 ngăn + Nước thải vệ sinh chân tay từ các lavabo + Nước thải từ việc vệ sinh lớp học và nước từ vệ sinh sàn nhà vệ sinh → Hồ thu gom → Bể kỵ khí dòng hướng ngược → Bể yếm khí giá thể tổ ong dính bám → Bể lắng cặn → Bể khử



trùng Clorin rắn → Công thoát nước thải → suối Chùa → suối Bà Lúa → sông Đồng Nai.

- Công suất thiết kế: 65 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải: Clorin (50kg/năm), Men vi sinh (65kg/năm).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình công nghệ.

- Vận hành và bảo dưỡng các máy móc thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp; kịp thời thay thế các thiết bị hư hỏng đảm bảo hoạt động thường xuyên, liên tục và hiệu quả.

- Lập sổ theo dõi lưu lượng, tính chất nước thải và sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng là cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất; không để vượt công suất xử lý.

- Kiểm tra quá trình thu gom nước thải của tuyến ống dẫn nhằm kịp thời khắc phục thay thế kịp thời các vị trí bị rò rỉ nước thải.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục khi có sự cố xảy ra.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất 65 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: thực hiện theo nội dung được cấp phép tại phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

Giai đoạn vận hành ổn định: 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của dự án, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu tiếp nhận nước thải theo QCVN 14:2008/BTNMT, Cột A, K=1,2; không xả nước

thải chưa xử lý ra môi trường; công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; kiểm soát và theo dõi chặt chẽ lưu lượng nước thải sau xử lý; lưu giữ số liệu tại dự án và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

- Vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường. Theo dõi, vận hành công trình theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ; đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong xử lý nước thải. Nghiêm cấm việc xả nước thải hoặc các chất thải khác vào hệ thống thoát nước mưa.

- Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện xử lý nước thải và xả nước thải sau khi xử lý ra nguồn tiếp nhận.

**Phụ lục 2****YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 14543/GPMT-UBND ngày 27/8/2024  
của Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa)**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**

Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với khí thải theo quy định.

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI:**

- Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu.
- Thường xuyên thực hiện các biện pháp giảm thiểu mùi phát sinh từ khu vực xử lý nước thải, khu vực lưu giữ chất thải.
- Theo dõi, vận hành công trình theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ; đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong xử lý nước thải của dự án, tránh phát sinh mùi từ các bể xử lý nước thải; thực hiện các biện pháp khắc phục kịp thời trong trường hợp phát sinh mùi ảnh hưởng tới các dãy lớp học và khu dân cư hiện hữu.
- Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường.



## Phụ lục 3

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 14543/GPMT-UBND ngày 27/8/2024  
của Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Tiếng ồn.**

1.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 01: Từ hoạt động xe đưa đón học sinh tại khu vực cổng trường.

1.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 01 có tọa độ: Tọa độ: X = 1207814; Y = 405104.

*(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 107<sup>o</sup>45' múi chiều 3<sup>o</sup>)*

1.3. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc định kỳ	Khu vực thông thường

2. **Độ rung:** Không phát sinh.**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN:****1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:**

- Đề nghị các phương tiện đưa đón học sinh thường xuyên bảo dưỡng đảm bảo hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.

- Phương tiện đưa đón học sinh được yêu cầu không chở quá tải và giới hạn tốc độ di chuyển, hạn chế bóp còi trong khu vực trường học để hạn chế tiếng ồn.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn.

**Phụ lục 4****YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,  
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 14543/GPMT-UBND ngày 27/8/2024  
của Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI****1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Bao bì mềm thải (bao bì chứa phân bón cây trồng)	14 01 05	KS	2
2	Bao bì nhựa thải (bao bì đựng hóa chất xử lý nước thải, xà phòng, nước tẩy rửa nhà vệ sinh, vỏ chai thuốc bảo vệ thực vật)	14 01 06	KS	20
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	NH	10
4	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng nguy hại)	16 01 13	NH	15
5	Bao bì kim loại cứng thải (bình xịt côn trùng, vỏ hộp sơn)	18 01 02	KS	7
<b>Tổng cộng</b>		-	-	<b>54</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Phân loại	Khối lượng (kg/năm)
<b>I</b>	<b>Chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng</b>			
1	Giấy vụn, bìa carton	12 08 03	TT-R	250
<b>II</b>	<b>Chất thải không có khả năng tái chế, tái sử dụng</b>			
1	Bùn thải từ bể tự hoại	12 06 13	TT	244,08



TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Phân loại	Khối lượng (kg/năm)
2	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải			
3	Hộp chứa mực in (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực như mực in văn phòng, sách báo)	08 02 08	TT-R	10
<b>Tổng cộng</b>				<b>504,08</b>

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 429,5 kg/ngày.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: thùng nhựa dung tích chứa 120 lít.

2.1.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích khu vực lưu chứa trong nhà: 06 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: mái che bằng tôn, nền bê tông, gắn biển báo ngoài khu vực, phân chia vạch và gắn các biển báo phân loại từng loại CTNH bên trong khu vực. Khu vực có trang bị thiết bị PCCC, vật liệu hấp thụ (cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng phòng ngừa sự cố.

- Công trình lưu giữ chất thải nguy hại phải đáp ứng theo hướng dẫn tại Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

2.2.1 Thiết bị lưu chứa: thùng nhựa dung tích chứa 240 lít.

2.2.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích khu vực lưu chứa trong nhà: 09 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: Mái che bằng tôn, tường xây gạch, nền bê tông.

- Công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường phải đáp ứng theo hướng dẫn tại Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

2.3.1 Thiết bị lưu chứa: Các thùng nhựa có nắp đậy, dung tích chứa 240 lít đặt tại các khối lớp học, hội trường, sân chơi,... tập kết khu vực cổng trường trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng.

### 2.3.2. Khu vực lưu chứa ngoài trời (vị trí tập kết rác sinh hoạt):

- Diện tích khu vực lưu chứa: sân nền bê tông cốt thép.
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Ngoài trời; chất thải chứa trong các thùng rác có dung tích 240 lít có nắp đậy kín.

Thực hiện tuyên truyền, phổ biến chương trình phân loại chất thải tại nguồn theo yêu cầu và quy định của địa phương. Hướng dẫn học sinh thực hiện phân loại theo quy định.

### **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG:**

- Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng và hoạt động của dự án đảm bảo theo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

- Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.



## Phụ lục 5



### **CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 14543 /GPMT-UBND ngày 27/8/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa)

#### **A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:**

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

#### **B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:**

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

#### **C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:**

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường.

#### **D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải; công trình xây dựng của dự án.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

3. Có biện pháp kiểm soát chất lượng nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án phải đảm bảo đạt giới hạn QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K=1,2; tuyệt đối không xả nước thải không đạt quy chuẩn ra môi trường tiếp nhận; minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước mưa, nước thải trong khuôn viên dự án; lưu giữ số liệu tại dự án và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

4. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo quy định.

5. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu.

6. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của dự án; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ

phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của dự án.

7. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và thực hiện chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm theo quy định.

8. Trong quá trình hoạt động nếu Dự án đầu tư có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến các cơ quan có liên quan. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra sự cố, rủi ro trong quá trình thực hiện.

9. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.